

Bản án số: 15/2018/DSPT

Ngày: 05/01/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm Phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Trường Sanh**

Các thẩm phán: 1/ Bà **Vũ Thị Thu Hương**

2/ Ông **Vũ Đức Toàn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Liễu**, Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thảo**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 483/2017/TLPT-DS ngày 13/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 377/2017/DSST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2678 /2017/QĐPT-DS ngày 15/11/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 7044/2017/QĐPT-DS ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974 (có mặt)

2. Bà Hoàng Trần Ngọc T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Thường trú: 316/4 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 02B đường C, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Hoàng Trần Ngọc T: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974 (giấy ủy quyền ngày 08/3/2017).

Bị đơn: 1. Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1945

Thường trú: 70A/39 đường D, phường E, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

Tạm trú: 26 đường E, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Trương Hàm Y, sinh năm 1971

Thường trú: xã A, huyện B, tỉnh H

Tạm trú: 26 đường E, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Trần Hoàng H: Bà Trương Hàm Y, sinh năm 1971 (giấy ủy quyền ngày 07/7/2017)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ông Nguyễn Đức T trình bày:

Do quen biết với ông Nguyễn Thanh P nên ông P giới thiệu Bà Trương Hàm Y và Ông Trần Hoàng H vay tiền của vợ chồng ông, sau đó cụ thể việc vay mượn giữa vợ chồng ông và bà Y ông H không liên quan gì đến ông Nguyễn Thanh P. Mỗi lần bà Y ông H vay 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, bà Y xin thỏa thuận lãi với vợ chồng ông là 15%/tháng. Việc vay mượn không ghi giấy tờ, hai bên chỉ ghi vào sổ riêng. Tổng số tiền bà Y và ông H vay nhiều lần của vợ chồng ông là 1.800.000.000 đồng.

Trong quá trình vay bà Y có trả lãi vài lần, cụ thể số tiền lãi ông không nhớ vì hai bên không ghi giấy tờ, sổ sách. Sau đó tới ngày 09/9/2014 vợ chồng ông và bà Y đã đối chiếu sổ sách và thống nhất bà Y ông H viết giấy mượn tiền vợ chồng ông bà 1.800.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền hai bên thống nhất hàng tháng bà Y ông H trả cho vợ chồng ông 100.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 25/9/2014 cho đến hết số nợ. Việc bà Y ông H viết giấy nợ cho vợ chồng ông là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc hay đe dọa từ phía vợ chồng ông mà ngược lại bà Y ông H còn năn nỉ viết giấy vay thống nhất số tiền nợ 1.800.000.000 đồng để không trả tiền lãi cho vợ chồng ông bà. Trên giấy vay tiền ngày 09/9/2014 của bà Y ông H viết phía dưới chữ ký bà Y có đóng dấu mộc của công ty TNHH đào tạo anh ngữ tin học N là do bà Y nói bà là giám đốc Công ty nên đóng dấu mộc để tạo sự tin tưởng. Thực chất vợ chồng ông không cho Công ty của bà Y vay tiền mà cho cá nhân bà Y ông H vay tiền.

Sau khi viết giấy mượn tiền ngày 09/9/2014 thì bà Y ông H trả mỗi ngày 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, mỗi tháng trả đủ 100.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà Y, ông H trả không đều nên vợ chồng ông đã lui tới đòi tiền thì bà Y mời **Công an Phường C, Quận D** lên giải quyết. Trước mặt công an bà Y xin vợ chồng ông cho trả 2.000.000 đồng/1 ngày cho hết khoản nợ 1.800.000.000 đồng. Sau đó bà Y trả được tới tháng 12/2015 thì ngưng không trả nữa mặc dù vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Tổng cộng bà Y ông H trả được cho ông bà 900.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà Y và ông H trả số nợ gốc còn lại là 900.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu bà Y ông H trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Ông Nguyễn Đức T đại diện theo ủy quyền của Bà Hoàng Trần Ngọc T trình bày:

Bà T thống nhất với mọi ý kiến trình bày của Ông Nguyễn Đức T. Nay yêu cầu bà Y ông H trả số nợ gốc là 900.000.000 đồng cho ông bà, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn - Bà Trương Hàm Y trình bày:

Do quen biết với bà Nguyễn Thị K nên bà K giới thiệu ông Nguyễn Thanh P để bà vay tiền. Bà vay của ông P nhiều lần, lần đầu vay 50.000.000 đồng, trả lãi 30%/tháng. Sau đó tổng cộng bà vay nhiều lần của ông P là 400.000.000 đồng. Bà đã trả lãi và gốc được 150.000.000 đồng. Tất cả việc vay mượn và trả lãi hai bên không ghi giấy tờ, bà chỉ ghi lại bằng cuốn sổ tay riêng của bà, nay cuốn sổ tay ông P giữ không trả lại cho bà.

Khoảng tháng 9 năm 2014 ông P dẫn Ông Nguyễn Đức T tới phòng làm việc của bà ở 95A đường A, phường B, Quận C, tại đây ông T tát vào mặt bà, lấy dao bấm kê sát cổ bà yêu cầu bà và chồng bà là ông H viết giấy nợ 1.800.000.000 đồng cho ông P. Việc ông T uy hiếp, đe dọa chỉ có ông P và vợ chồng bà biết ngoài ra không ai biết, không ai làm chứng. Hiện nay bà không giữ giấy vay mượn tiền viết cho ông P.

Ngày 09/9/2014 ông T dẫn 01 người đàn ông (không rõ tên tuổi, lai lịch) đến đe dọa bắt bà và ông H viết thêm 01 giấy nợ 1.800.000.000 đồng từ ông P qua cho vợ chồng Ông Nguyễn Đức T Bà Hoàng Trần Ngọc T, việc đe dọa này chỉ có vợ chồng bà mà không có ai làm chứng. Trên giấy vay mượn tiền ngày 09/9/2014 bà xác nhận đúng là chữ ký chữ viết của bà và ông H, sau đó ông T có yêu cầu bà lấy dấu mộc công ty TNHH đào tạo anh ngữ tin học N do bà làm giám đốc đóng dấu vào chữ ký của bà để làm tin. Thực chất bà không vay tiền để sử dụng vào mục đích kinh doanh công ty của bà.

Từ ngày viết giấy nợ cho ông T bà T thì mỗi ngày bà trả cho ông T bà T 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, mỗi tháng phải trả đủ 100.000.000 đồng. Khoảng tháng 11/2014 bà chỉ trả được 87.000.000 đồng còn nợ lại 13.000.000 đồng thì ông T dẫn nhiều người xuống hành hung bắt ép bà viết lại giấy thiếu 100.000.000 đồng nhưng bà không viết và trình báo công an phường 9, Quận 5. Sau đó vì con còn nhỏ, ông T hành hung đòi bắt cóc con bà (việc hành hung này chỉ có vợ chồng bà, không ai chứng kiến) nên bà vẫn trả tiền hàng tháng cho ông T bà T. Từ tháng 12/2015 thì bà ngưng trả do không còn khả năng. Tổng cộng bà và ông H đã trả cho ông T bà T là 900.000.000 đồng.

Nay ông T bà T yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền còn thiếu là 900.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì vợ chồng bà không thiếu nợ ông T bà T, bà chỉ vay tiền của ông P. Tuy nhiên hiện nay bà không biết và không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị K cũng như ông Th. Đối với số tiền bà đã trả ông T bà T tổng cộng là 900.000.000 đồng thì bà yêu cầu ông T bà T trả lại cho vợ chồng bà.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Bà Trương Hàm Y đại diện Ông Trần Hoàng H trình bày:

Ông Trần Hoàng H thống nhất với mọi ý kiến trình bày của bà Y. Nay ông H xác nhận không vay mượn tiền của ông T bà T mà chỉ bị ép buộc nên không đồng ý trả số tiền còn thiếu là 900.000.000 đồng. Yêu cầu ông T bà T trả lại số tiền mà ông và bà Y đã trả là 900.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm sơ thẩm số 377/2017/DSST ngày 07/09/2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Trần Hoàng H và Bà Trương Hàm Y và có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Đức T và Bà Hoàng Trần Ngọc T số tiền gốc còn thiếu là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

- Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc ông T bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/09/2017, Ông Trần Hoàng H và Bà Trương Hàm Y có đơn kháng cáo nêu lý do: Ông H và bà Y không có vay tiền của Ông Nguyễn Đức T và Bà Hoàng Trần Ngọc T, chỉ có vay tiền của ông Nguyễn Thanh Phương, xin xét xử lại vụ án, buộc vợ chồng ông T và bà T phải trả lại cho ông bà số tiền 900.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Phía nguyên đơn Ông Nguyễn Đức T đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn Bà Trương Hàm Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc phía nguyên đơn phải trả lại số tiền 900.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa hôm nay. Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Án sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc phía bị đơn phải trả cho phía nguyên đơn số tiền 900.000.000 đồng là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét kháng cáo của phía bị đơn. Thấy rằng:

Ngày 09/09/2014, giữa Ông Nguyễn Đức T, Bà Hoàng Trần Ngọc T và Ông Trần Hoàng H, Bà Trương Hàm Y viết giấy mượn tiền với tổng số tiền mà bà Y và ông H nợ là 1.800.000.000 đồng cũng như phương thức trả nợ. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm hôm nay, bà Y và ông H cũng xác nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 09/09/2014 là của ông bà. Tuy nhiên, ông bà cho rằng chỉ có vay tiền của ông Nguyễn Thanh P chứ không có vay tiền của ông Hải, bà T mà do bị đe dọa, ép buộc viết giấy mượn tiền. Tuy nhiên, ông H và bà Y không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc vay mượn tiền của ông Phương và bị ông T đe dọa, ép buộc. Bà Y, ông H xuất trình giấy xác nhận của Công an Phường C, Quận D ngày 25/5/2017 với nội dung là tháng 8/2014, ông T dẫn một số người đến nơi làm việc của bà Y để ép bà Y viết giấy nợ trong tháng đó phải trả cho ông T là 100.000.000 đồng nhưng bà Y chỉ trả được 87.000.000 đồng nghĩa là sự việc xảy ra gần 3 năm sau thì bà Y mới làm đơn xin xác nhận sự việc, trong khi giấy mượn tiền là ngày 09/9/2014 với nội dung bà Y, ông H vay tiền của bà T, ông T số tiền là 1.800.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y xác nhận thời điểm xảy ra sự việc ông T đã ép bà viết giấy vay 100.000.000 đồng xảy ra ngay sau khi hai bên viết giấy mượn tiền ngày 09/09/2014 một tháng. Mặt khác, sau khi viết giấy mượn tiền, ông H và bà Y đã trả tiền cho ông T, bà T nhiều lần, mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, tổng cộng, hai bên thừa nhận số tiền bà Y và ông H đã trả là 900.000.000 đồng. Bà Y và ông H cho rằng do bị ông T ép buộc hù dọa, bắt cóc con gái ông bà nên mới trả số tiền trên cho ông Tân, bà T nhưng cũng không có căn cứ chứng minh. Ngoài ra, ông H và bà Y cho rằng đã gửi đơn tố cáo hành vi của ông T luôn đeo bám cướp tài sản của ông bà nhưng cũng không có căn cứ chứng minh. Các ý kiến này đều không được ông T và bà T thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn buộc phía bị đơn phải thanh toán một lần số tiền 900.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Phía nguyên đơn không yêu cầu phía bị đơn phải trả lãi nên ghi nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đều xác nhận là vay có lãi nhưng các bên không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn có yêu cầu ông T và bà T phải trả lại số tiền 900.000.000 đồng mà vợ chồng bà đã trả cho phía nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo về việc bà Y, ông H có quyền làm đơn yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo nhưng bà

Y và ông H không làm đơn phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của phía bị đơn là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 273; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 326.2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Hoàng H và Bà Trương Hàm Y. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 377/2017/DS-ST ngày 07/09/2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Trần Hoàng H và Bà Trương Hàm Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Đức T và Bà Hoàng Trần Ngọc T số tiền gốc còn thiếu là 900.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc ông T và bà T không yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày phía nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H và bà Y phải chịu 39.000.000 đồng. Hoàn trả cho ông T và bà T số tiền tạm ứng án phí 19.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0025920 ngày 21/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H và bà Y phải chịu mỗi người là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0009694 ngày 22/9/2017 và biên lai thu tiền số AA/2017/0009695 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP HCM
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM
- TAND quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

Lưu Trường Sanh